

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội  
thành phố Bắc Giang giai đoạn 2007-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về  
lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội;  
Theo đề nghị của UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số  
52/TTr-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 và đề nghị của Sở Kế hoạch  
và Đầu tư tại Báo cáo số 10/BC- SKH ngày 11 tháng 01 năm 2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố  
Bắc Giang giai đoạn 2007-2020, với các nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

**1. Quan điểm phát triển**

- Phát huy lợi thế, nội lực kết hợp với huy động mọi nguồn lực trong và  
ngoài nước phấn đấu phát triển nhanh, toàn diện và bền vững theo hướng văn  
minh, hiện đại xứng đáng với vị trí tỉnh lỵ; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh  
tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ; đóng góp ngày càng lớn vào tăng  
trưởng kinh tế của tỉnh;

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội, phát triển con  
người và bảo vệ môi trường;

- Gắn phát triển kinh tế với chỉnh trang, mở rộng đô thị và hiện đại hóa kết  
cấu hạ tầng;

- Phát triển kinh tế gắn với yêu cầu đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an  
toàn xã hội.

**2. Mục tiêu phát triển**

**2.1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng thành phố Bắc Giang phát triển nhanh, có cơ cấu kinh tế hiện  
đại: dịch vụ - công nghiệp và xây dựng - nông lâm nghiệp, thủy sản; đời sống  
của người dân được nâng cao, kết cấu hạ tầng đô thị từng bước đồng bộ theo  
hướng văn minh, hiện đại.

**2.2. Các mục tiêu cụ thể**

- *Mục tiêu về kinh tế*

+ Nhịp độ tăng trưởng GTSX giai đoạn 2006-2010 đạt 19,6%/năm; giai  
đoạn 2011-2015 đạt khoảng 17,4%/năm và giai đoạn 2016-2020 đạt 17,8%/năm.

+ Cơ cấu GTSX (dịch vụ - công nghiệp và xây dựng- nông lâm nghiệp, thủy sản) đến năm 2010 là 46,7%- 52,2% - 1,1% (trước khi mở rộng thành phố); đến năm 2015 là 47,1% - 52,6% - 2,3% (sau khi mở rộng thành phố); đến năm 2020 là 50,4% - 48,2% - 1,4%.

- *Mục tiêu về xã hội và môi trường*

+ Giữ vững tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới mức 0,95%. Quy mô dân số đến năm 2010 đạt 113,8 nghìn người; đến năm 2015 đạt 205,7 nghìn người; đến năm 2020 đạt 268 nghìn người;

+ Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 trên 40%; năm 2015 trên 50% và năm 2020 trên 65%;

+ Phân đầu giai đoạn 2006-2010, mỗi năm giải quyết việc làm cho 1.100-1.200 lao động tăng thêm, giai đoạn 2011-2015 khoảng 1.800-2.000 lao động, giai đoạn 2016-2020 khoảng 2.400-2.500 lao động;

+ Đến năm 2010 hoàn thành nhiệm vụ phổ cập bậc trung học;

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đến năm 2010 đạt 80,6% (trước khi mở rộng thành phố); đến năm 2015 đạt 76,3% (sau khi mở rộng thành phố); đến năm 2020 đạt 85,1%;

+ Giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống còn 4% vào năm 2010; còn 3,6% năm 2015 và 3,0% vào năm 2020 và nâng tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn lên 85% vào năm 2010; khoảng 88% năm 2015 và trên 90% vào năm 2020;

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi vị suy dinh dưỡng dưới 13% vào năm 2015, dưới 10% vào năm 2020;

+ Đến năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 0,5% và giữ ở mức dưới 0,5% các giai đoạn tiếp theo;

+ Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đạt trên 98% đến năm 2010, năm 2015 khoảng 88% (sau khi mở rộng thành phố) và đến năm 2020 trên 95%;

+ Đến năm 2015 lượng rác thải được thu gom và xử lý đạt trên 80% đối với chất thải rắn sinh hoạt và 85% đối với chất thải công nghiệp; đến năm 2020 đạt trên 90% đối với chất thải rắn sinh hoạt và 95% đối với chất thải công nghiệp.

- *Mục tiêu về phát triển đô thị:* Hoàn chỉnh toàn diện các tiêu chí đô thị loại III trước năm 2015, tiến dần đến các tiêu chí của đô thị loại II vào cuối kỳ quy hoạch.

- *Mục tiêu về quốc phòng an ninh:* Đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; xây dựng thành phố trở thành khu vực phòng thủ vững chắc.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

### 1. Phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế

#### 1.1. Thương mại và Dịch vụ

Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, đẩy mạnh phát triển thương mại để thành phố Bắc Giang trở thành trung tâm giao thương lớn của tỉnh và vùng; khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm hội chợ triển lãm, văn phòng giao dịch và giới thiệu sản phẩm. Hình thành trung tâm phân phối hàng hoá và thị trường bán lẻ với quy mô lớn; mở rộng giao lưu hợp tác kinh tế thương mại để thu hút đầu tư với các tỉnh, thành phố phía Nam Trung Quốc.

Nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ: vận tải, bưu chính - viễn thông, Internet, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao

công nghệ, tư vấn pháp lý, thông tin thị trường... Tạo điều kiện thuận lợi để các ngân hàng, công ty tài chính thành lập chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn thành phố. Quy hoạch, xây dựng hệ thống kho tàng, bến bãi phù hợp với yêu cầu dự trữ và nhu cầu luân chuyển hàng hoá. Chú trọng phát triển dịch vụ phục vụ cho các khu, cụm công nghiệp của tỉnh, các khu đô thị mới của thành phố.

Phát triển du lịch thành phố theo hướng xây dựng thành phố thành cụm du lịch trung tâm của tỉnh. Quan tâm đầu tư, tôn tạo trùng tu các khu di tích, hạ tầng các khu, điểm du lịch. Chú trọng thu hút khách du lịch cuối tuần từ Thủ đô Hà Nội và khu vực phụ cận và khách du lịch từ các tỉnh Nam Trung Quốc. Phát triển du lịch theo hướng coi trọng cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội, gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

### **1. 2. Công nghiệp**

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng trên địa bàn thành phố đạt 20%/năm giai đoạn 2006 - 2010; khoảng 17,5%/năm giai đoạn 2011-2015 và 17,3%/năm giai đoạn 2016-2020. Phát triển công nghiệp sạch tại các xã ngoại thành ở khu vực đất khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng lớn, công nghệ cao. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng sản xuất các hàng tiêu dùng cao cấp, các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao. Phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, di tích lịch sử, văn hóa; từng bước di dời các nhà máy, xí nghiệp gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành.

- *Cơ khí, hóa chất*: Mở rộng Nhà máy Phân đạm - Hoá chất Hà Bắc, sản xuất các mặt hàng phân bón, hoá chất, các chất tẩy rửa. Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh.

- *Công nghiệp chế biến*: Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản tại các cụm công nghiệp, các xã ngoại thành bằng công nghệ mới, không gây ô nhiễm môi trường.

- *Vật liệu xây dựng*: Phát triển các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp như: sản xuất các thiết bị vệ sinh, gốm sứ cao cấp...

- *Công nghiệp khác*: Thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất các hàng tiêu dùng cao cấp (hàng điện tử, điện lạnh, máy tính...), các ngành công nghiệp hỗ trợ (cơ khí chế tạo, vật liệu mới,...) và các ngành công nghiệp công nghệ cao (công nghiệp phần mềm, công nghệ sinh học...).

- *Phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp và làng nghề*: Mở rộng và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, khai thác có hiệu quả nguồn nguyên liệu, lao động tại chỗ, có biện pháp bảo vệ môi trường để phát triển ngành nghề chế biến nông sản, thực phẩm (sản xuất Bún ở Đa Mai, bánh Đa ở Dĩnh Kế), sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (đúc đồng, nhôm ở Dĩnh Kế), dâu tằm tơ, mây, tre, giang đan ở Song Mai; khuyến khích phát triển các nghề mới như: thêu ren xuất khẩu ở Thọ Xương, Xương Giang, Đa Mai, Trần Nguyên Hãn, móc sợi xuất khẩu ở Hoàng Văn Thụ...

### **1.3. Nông, lâm, thủy sản**

Phát triển nền nông nghiệp sạch, đạt hiệu quả kinh tế cao. Đẩy nhanh chuyển

dịch cơ cấu ngành, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo ra sản phẩm hàng hoá chất lượng cao, cho giá trị thu nhập cao trên một đơn vị diện tích. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa các giống cây, con có năng suất, giá trị cao vào sản xuất. Thực hiện dồn điền, đổi thửa, hình thành vùng trồng hoa, cây cảnh, rau an toàn tập trung và chăn nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao trên một đơn vị diện tích, đáp ứng nhu cầu thị trường ở các xã vùng ven thành phố; xây dựng các cánh đồng đạt 100 triệu đồng/ha/năm, hộ nông dân có thu nhập từ 80-100 triệu đồng/năm trở lên.

## **2. Phát triển văn hóa- xã hội**

### **2.1. Dân số, lao động**

- **Dân số:** Giữ vững tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của thành phố dưới mức 0,95%. Nâng cao chất lượng dân số toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, cơ cấu nhằm đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH.

- **Lao động:** Nâng cao chất lượng nguồn lao động, giải quyết việc làm; đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỉ trọng lao động nông nghiệp. Đến năm 2010, lao động nông nghiệp chiếm 19,4%; năm 2015 tăng lên 23,7% (sau khi mở rộng thành phố) và giảm xuống còn khoảng 14,9% vào năm 2020.

### **2.2 Giáo dục và đào tạo**

- Giáo dục - đào tạo phải đi trước một bước nhằm tạo nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp cận kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động; bảo đảm cân đối hợp lý giữa các bậc học, cấp học, ngành học. Đẩy mạnh xã hội hoá trong giáo dục - đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện thành lập các trường mầm non, phổ thông, các cơ sở đào tạo tư thục.

- Phân đầu đến năm 2020 có 100% giáo viên đạt chuẩn. Số phòng học được xây dựng kiên cố đạt 100%; trên 80% trường đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

### **2.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe**

- Quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng các cơ sở khám chữa bệnh như: Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện U Bướu, Bệnh viện Đa khoa Kinh Bắc, Bệnh viện Đa khoa tỉnh (quy mô vùng, 800 giường bệnh, trở thành bệnh viện vệ tinh cho các bệnh viện tuyến Trung ương); xây dựng mới Bệnh viện đa khoa thành phố (quy mô 150-200 giường bệnh), Trung tâm Y tế dự phòng thành phố.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo đúng chuyên môn, số lượng và chất lượng.

- Đẩy mạnh xã hội hoá sự nghiệp y tế, phát triển y tế tư nhân, y học cổ truyền.

- Quan tâm thỏa đáng đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế.

- Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở y tế, nhất là đối với tuyến xã, phường nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, tăng tuổi thọ bình quân.

### **2.4. Khoa học - công nghệ**

- Xây dựng thành phố Bắc Giang từng bước trở thành trung tâm chuyên giao công nghệ - kỹ thuật của tỉnh. Phát huy vai trò của hội khoa học- kỹ thuật,

nhà khoa học, giới trí thức trong việc tư vấn, giám định, phản biện xã hội nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các dự án đầu tư phát triển.

- Coi trọng việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong công nghệ chế biến, cơ khí, hóa chất... Ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại vào phát triển sản xuất nông nghiệp và thủy sản.

### **2.5. Văn hoá thông tin, Thể dục - thể thao**

- *Văn hoá thông tin*: tăng cường đầu tư phát triển cơ sở vật chất xây dựng thiết chế văn hoá thông tin; từng bước đáp ứng nhu cầu và nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân thành phố từ đó hình thành nét văn hoá mang tính đặc trưng văn hoá của vùng Kinh Bắc; quan tâm tuyên truyền, xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

Quy hoạch đất đai để xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hoá từ thành phố tới phường, xã, tổ dân phố, thôn như: Trung tâm Văn hoá thể thao, Phòng Truyền thống, Thư viện Thiếu nhi thành phố; tượng đài chiến thắng không quân Mỹ; tôn tạo khu di tích lịch sử thành Xương Giang; các điểm vui chơi cho thanh, thiếu niên, nhi đồng ở phường, xã; thư viện phường, xã, nhà văn hoá và tủ sách của thôn, tổ dân phố, đặc biệt là khu vực mở rộng thành phố.

- *Phát thanh truyền hình*: Xây dựng Đài phát thanh truyền hình thành phố có đủ năng lực máy móc thiết bị để thực hiện các chương trình phát thanh và chương trình truyền hình của thành phố, tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh. Đổi mới nội dung chương trình, bổ sung các chuyên mục, phóng sự nhằm làm tốt công tác tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị của thành phố.

- *Thể dục- thể thao*: Đẩy mạnh xã hội hoá thể dục thể thao, huy động các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các công trình thể dục thể thao. Phấn đấu đến năm 2010 số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 38-39%; đến năm 2015 đạt 42% và đến năm 2020 đạt trên 45%.

2.6. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, vận động toàn dân tham gia thực hiện chính sách đối với người có công, đẩy mạnh các hoạt động từ thiện. Kiểm soát chặt chẽ, phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

## **3. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật**

### **3.1. Mạng lưới giao thông**

- Xác định các tuyến giao thông đối ngoại là Quốc lộ 1A và Tỉnh lộ 398; chuyển Quốc lộ 1A cũ thành đường chính đô thị; cải tạo, nâng cấp mặt đường Tỉnh lộ 398 đoạn qua Song Mai dài khoảng 6 km (quy mô mặt cắt 38m).

- Mạng lưới đường chính của thành phố được tổ chức theo dạng ô cờ kết hợp với đường vành đai nối liền các khu chức năng chính của thành phố; nâng tỷ lệ đất giao thông nội thị đạt 20 - 22% (trong đó giao thông tỉnh đạt tỷ lệ 1,5-2%); xây dựng một số tuyến đường gom song song với QL1A mới; nâng cấp đê sông Thương để quy hoạch đường mới với hệ thống cây xanh, tạo cảnh quan môi trường cho thành phố.

- Bố trí bãi đỗ xe tại các bến xe, nhà ga, cảng sông, với quy mô 0,2 - 0,5ha, tổng diện tích chiếm 1,5 - 2% đất đô thị.

- Quy hoạch xây mới 4 cầu bắc qua sông Thương để kết nối các khu đô thị (cầu

Bãi Sỏi, cầu Bến Hương, cầu Á Lữ, cầu Tân Tiến).

- Xây dựng 3 nút giao thông khác cốt với Quốc lộ 1A (Quốc lộ 31, đường Hùng Vương và Tỉnh lộ 398); một cầu trục tuyến để kết nối giữa đô thị phía Bắc Quốc lộ 1A với đô thị phía Nam Quốc lộ 1A mới (theo đường Nguyễn Thị Minh Khai).

- Cải tạo, nâng cấp các cảng sông: cảng Công ty phân đạm và hóa chất (quy mô từ 5-10 ha, công suất 1-1,5 triệu tấn/năm); di chuyển cảng than Á Lữ về phía hạ lưu sông Thương ra khu vực ngoại vi thành phố; đầu tư xây dựng cảng hành khách quy mô 1-2 ha, đảm bảo vận chuyển 300.000-500.000 hành khách/năm. Xây dựng mới Cảng container - Lash Đông Sơn, hình thành cụm kho, cảng diện tích 30 ha tại khu vực giáp sông Thương.

### **3.2. Mạng lưới cấp điện**

Cải tạo và xây mới các trạm 110 KV: trạm 110/35/22KV Đồi Cốc, trạm 110/22KV Song Khê - Nội Hoàng, trạm 110/22KV Đa Mai. Xây dựng đường dây 110 KV cấp điện cho trạm 110 KV Đa Mai. Các tuyến 35 KV cấp điện cho thành phố chuyển thành 22 KV. Cải tạo toàn bộ lưới điện 6 KV thành 22 KV. Phân đấu tất cả các tuyến đường phố có mặt cắt  $\geq 3,5m$  đều có hệ thống đèn chiếu sáng.

### **3.3. Mạng lưới bưu chính - viễn thông**

Phát triển và hiện đại hoá mạng lưới thông tin liên lạc, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt. Phát triển các loại hình dịch vụ mới như: hộp thư thoại, điện thoại thấy hình, truyền hình hội nghị, đào tạo từ xa, dịch vụ Internet và truyền hình cáp... Phân đấu đến năm 2010 đạt 60 máy điện thoại/100 dân, năm 2015 đạt 75-80 máy điện thoại/100 dân và năm 2020 đạt 90-100 máy/100 dân.

### **3.4. Mạng lưới cấp, thoát nước và xử lý nước thải**

- Mở rộng nhà máy cấp nước sông Thương đạt công suất 35.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm vào năm 2010 và nâng công suất lên 70.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm vào năm 2020. Quy hoạch xây dựng thêm nhà máy nước trên địa bàn xã Song Mai để phục vụ dân cư phía Tây thành phố và các khu, cụm công nghiệp và làng nghề.

- Xây dựng mạng lưới thoát nước và xử lý nước thải theo 2 lưu vực chính là Tả ngạn và Hữu ngạn sông Thương. Quy hoạch 3 trạm xử lý nước thải: 02 trạm ở hữu ngạn sông Thương và 01 trạm ở Tả ngạn sông Thương. Xây dựng các trạm làm sạch nước bẩn tại các khu, cụm công nghiệp.

### **3.5. Hệ thống công viên, cây xanh, vệ sinh môi trường và công trình công cộng khác**

- Xây dựng công viên Trung tâm bên cạnh đường Hùng Vương, công viên cây xanh Quảng Phúc; cải tạo, nâng cấp công viên Ngô Gia Tự, hồ Làng Thương; trồng cây xanh 2 bên bờ sông Thương.

- Xây dựng nhà máy chế biến, xử lý rác thải cho thành phố và vùng phụ cận trên diện tích 24,7 ha tại xã Đa Mai. Nghiên cứu, xem xét xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn chung cho thành phố và các khu công nghiệp tập trung của tỉnh tại huyện Yên Dũng hoặc huyện Lục Nam.

- Sau năm 2010, xây dựng một nghĩa trang mới, hiện đại, cho thành phố và các huyện xung quanh tại huyện Yên Dũng, Lục Nam hoặc huyện Lạng Giang. Xây dựng nhà tang lễ tại Bệnh viện Đa khoa thành phố.

- Mở rộng trụ sở Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân thành phố. Xây dựng quảng trường, nhà hát, trung tâm văn hóa, triển lãm tại khu dân cư số 1.

### **3.6. Nhà ở**

Kết hợp nhiều loại hình nhà ở: chung cư cao tầng gắn với công trình dịch vụ - thương mại, nhà ở chia lô, biệt thự hiện đại. Gắn xây dựng khu dân cư mới với quy hoạch và xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Quản lý chặt chẽ quy hoạch xây dựng, đảm bảo kiến trúc, cảnh quan đáp ứng yêu cầu xây dựng thành phố văn minh, hiện đại.

### **4. Quốc phòng- an ninh**

Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm mục tiêu giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng quân sự địa phương vững mạnh; xây dựng phòng thủ khu vực; thực hiện tốt Chương trình giáo dục quốc phòng. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, Chương trình hành động phòng chống ma tuý. Tăng cường phòng ngừa các tệ nạn xã hội.

### **5. Phát triển không gian, lãnh thổ**

#### **5.1. Dự kiến mở rộng địa giới hành chính thành phố**

Mở rộng địa giới hành chính của thành phố Bắc Giang (với quy mô diện tích sau mở rộng khoảng 75 km<sup>2</sup>) trong giai đoạn 2011-2015 như sau:

- Về phía Tây Bắc thành phố mở rộng lấy một phần xã Quế Nham thuộc huyện Tân Yên;

- Về phía Tây Nam thành phố mở rộng lấy toàn bộ xã Tân Mỹ thuộc huyện Yên Dũng;

- Về phía Nam và Đông Nam thành phố mở rộng lấy toàn bộ các xã Song Khê, Đồng Sơn, Tân Tiến và một phần xã Hương Gián thuộc huyện Yên Dũng;

- Về phía Đông thành phố mở rộng lấy toàn bộ xã Dĩnh Trì thuộc huyện Lạng Giang.

#### **5.2. Định hướng phát triển không gian đô thị**

- *Phát triển đô thị thành phố về hướng Tây, Nam và Bắc, chủ yếu là về phía Tây và Nam thành phố, theo 2 bờ sông Thương.*

+ Về phía Tây: phường Mỹ Độ và mở rộng nội thành sang xã Tân Mỹ, Song Khê thuộc huyện Yên Dũng;

+ Về phía Nam: Mở rộng nội thành sang phía Nam QL1A mới thuộc địa phận xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng và một phần xã Dĩnh Trì thuộc huyện Lạng Giang;

+ Về phía Bắc: Mở rộng nội thành dọc theo tỉnh lộ 398, khai thác vùng đất có cảnh quan đẹp, có sông Thương và một số đồi núi có thể phát triển trở thành các công viên cây xanh, khu du lịch sinh thái.

- *Thành phố được tổ chức thành 3 phân khu chính:*

+ Khu vực nội thành hiện tại: Là nơi đặt trung tâm hành chính của tỉnh và thành phố, các cơ sở dịch vụ, thương mại, văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí cấp vùng, tỉnh và thành phố;

+ Khu đô thị phía Nam QL 1A mới: xây dựng khu đô thị mới hiện đại, với các trung tâm thương mại, siêu thị, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... hiện đại,

quy mô lớn và các trung tâm thể thao, văn hoá, Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

+ Khu đô thị mới phía Tây: Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn đô thị hiện đại. Bố trí các trung tâm thương mại, siêu thị hiện đại, xây dựng trung tâm tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bệnh viện (Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Kinh Bắc), các công viên, cây xanh, mặt nước, trung tâm thể dục thể thao.

### **5.3. Phát triển nông thôn khu vực ngoại thành**

- Tập trung đầu tư xây dựng các chợ khu vực tại các xã như: Đa Mai, Song Mai, Xương Giang; xây dựng chợ đầu mối tại Đình Kế... Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống như: Bún Đa Mai; ươm tơ, móc sợi ở Song Mai; thêu ren ở Xương Giang; bánh đa Kế.

- Xây dựng, nâng cấp đường ngõ, xóm ở những nơi khó khăn như: Song Mai, Xương Giang và hệ thống đường liên thôn, liên xã.

- Mở rộng Nhà máy cấp nước sạch và hoàn chỉnh xây dựng hệ thống đường ống cấp nước sạch cung cấp cho các xã: Song Mai, Đa Mai, các khu dân cư mới xây dựng ở nông thôn.

- Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Cứng hoá kênh mương thuỷ lợi nội đồng, củng cố hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu phục vụ thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

- Kiên cố hoá trường lớp học; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

### **6. Định hướng quy hoạch sử dụng đất**

Ưu tiên bố trí đất xây dựng khu dịch vụ tập trung (25-30 ha) tại khu đô thị phía Nam nhằm thu hút các nhà đầu tư vào các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, đào tạo, viễn thông...

Quy hoạch, bố trí quỹ đất dự trữ 50 ha để thu hút đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, văn hoá - thể thao... tập trung ở khu đô thị mới phía Tây và phía Đông Bắc thành phố.

## **III. BƯỚC ĐI TRONG THỜI KỲ QUA HOẠCH**

### **1. Nhiệm vụ chủ yếu đến năm 2010**

- Chuẩn bị các điều kiện để mở rộng địa giới hành chính của thành phố và dự kiến hoàn thành mở rộng trong giai đoạn 2011-2015;

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị đảm bảo hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại III;

- Xây dựng, nâng cấp mạng lưới chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, các khách sạn, nhà hàng; quy hoạch khu du lịch Quảng Phúc giai đoạn I; quy hoạch và bước đầu hình thành điểm du lịch di tích thành cổ Xương Giang; hoàn thành và đưa vào sử dụng một số hạng mục của công viên Trung tâm;

- Xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu cụm công nghiệp Xương Giang II, cụm dịch vụ - công nghiệp - thương mại Thọ Xương, cụm công nghiệp Đa Mai, các cụm công nghiệp phía Tây thành phố...;

- Phát triển các cơ sở giáo dục- đào tạo và dạy nghề: Nâng cấp trường Cao đẳng sư phạm Ngô Gia Tự thành Trường Đại học; nâng cấp các trường trung học y tế, văn hóa nghệ thuật thành trường cao đẳng.

### **2. Nhiệm vụ chủ yếu của thời kỳ 2011-2020**

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị cơ bản đạt tiêu chí của đô thị loại II;



- Xây dựng khu đô thị phía Nam và phía Tây thành phố;
- Tiếp tục phát triển hạ tầng thương mại, du lịch; xây dựng khu du lịch Quảng Phúc, phát triển du lịch 2 bờ sông Thương, điểm du lịch di tích thành cổ Xương Giang. Phát triển mạnh các dịch vụ tài chính ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, chuyển giao công nghệ...;
- Xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp: cụm công nghiệp Đông Bắc thành phố ở khu vực dự kiến mở rộng thành phố.

#### **IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Huy động các nguồn vốn đầu tư**

Để đạt được những mục tiêu phát triển KT- XH trong thời kỳ quy hoạch cần số vốn đầu tư rất lớn. Nhu cầu vốn đầu tư (theo giá hiện hành) thời kỳ 2006-2010 khoảng 4.600 tỷ đồng; thời kỳ 2011-2015 khoảng 12.000 tỷ đồng; thời kỳ 2016-2020 khoảng 27.500 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA) chủ yếu dành cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đáp ứng được khoảng 20-25%. Do vậy, cần tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế thành phố, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển; tranh thủ vốn Trung ương và bố trí ngân sách tỉnh đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng lớn của mạng lưới giao thông, thủy lợi, trường học, bệnh viện,...

- Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp và dân cư: Ước tính chiếm khoảng 50-60% trong cơ cấu vốn đầu tư. Thực hiện cải cách hành chính, tạo môi trường thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư và có các biện pháp đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích nhân dân và các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố. Tiếp tục thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu đô thị, khu dân cư mới, cụm công nghiệp...

- Vốn tín dụng và liên doanh, liên kết dự kiến đáp ứng khoảng 20-25% tổng nhu cầu vốn đầu tư. Đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và từ tỉnh ngoài vào thành phố, khuyến khích các dự án đang hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất. Chuẩn bị các điều kiện về quỹ đất, hạ tầng, nguồn nhân lực để thu hút các tập đoàn, các nhà đầu tư có tiềm năng thực hiện dự án đầu tư quy mô lớn, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ.

##### **2. Cơ chế, chính sách**

- Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, đảm bảo quyền bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

- Thực hiện các chính sách thông thoáng, để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào địa bàn thành phố.

- Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Bắc Giang.

- Xây dựng một số cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các khu đô thị, cụm công nghiệp, trung tâm thương mại và khu du lịch; có cơ chế và bố trí vốn hỗ trợ, ưu tiên đầu tư hạ tầng cho các cụm công nghiệp

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng

phí và phòng chống tham nhũng.

### **3. Phát triển nguồn nhân lực và các lĩnh vực xã hội**

#### **3.1 Phát triển nguồn nhân lực**

- Xác định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là khâu đột phá, then chốt để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý; thực hiện chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm giữ chân và thu hút nhân tài nhất là các chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực quản lý nhà nước và kinh doanh; thu hút, phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và phát huy phương tiện cơ sở vật chất hiện có trên địa bàn.

- Đầu tư tương xứng cho giáo dục - đào tạo; nâng tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục- đào tạo. Đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề, liên kết với các trường, cơ sở dạy nghề trong và ngoài tỉnh đào tạo nghề cho người lao động.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, mời gọi các nhà đầu tư xây dựng các trường, cơ sở đào tạo, mở rộng thêm các ngành nghề mới, chú ý đến đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy nghề, nhằm nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo đi đôi với việc liên kết, thu hút đội ngũ giảng viên có chuyên môn về giảng dạy.

- Có kế hoạch cập nhật kiến thức mới về tiến bộ khoa học công nghệ cho đội ngũ công nhân. Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích người có khả năng được học tập, có chính sách khuyến khích tài năng trẻ đi vào nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng những thành quả công nghệ mới.

#### **3.2 Một số giải pháp phát triển các lĩnh vực xã hội**

- Đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực xã hội; huy động mọi nguồn lực của cộng đồng vào công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, giáo dục - đào tạo, văn hoá - thể thao; khuyến khích các chủ đầu tư xây dựng trường học tư thục, cơ sở khám chữa bệnh tư nhân...

- Tranh thủ các nguồn lực đầu tư của Trung ương, của tỉnh, tăng cường đầu tư ngân sách thành phố và huy động các nguồn lực khác đầu tư cho hạ tầng xã hội.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực xã hội.

#### **4. Khoa học - công nghệ và môi trường**

- Xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển công nghệ, ứng dụng khoa học- kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất kinh doanh, quản lý, điều hành...

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào chế biến nông, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp chế tạo.

- Quản lý và khuyến khích các doanh nghiệp, làng nghề đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải, bảo vệ môi trường. Ban hành quy chế, áp dụng các biện pháp ngăn ngừa, xử lý hành vi huỷ hoại, gây ô nhiễm môi trường.

#### **5. Giải pháp phát triển thành phố Bắc Giang theo hướng văn minh, hiện đại**

- Đổi mới phương pháp lãnh đạo, điều hành và nâng cao năng lực của các cấp chính quyền thành phố, quan tâm giải quyết kịp thời, triệt để những vấn đề bức xúc trong nhân dân.

- Tăng cường công tác quản lý đô thị, toàn diện trên các lĩnh vực: quy hoạch, kiến trúc, môi trường, trật tự an toàn đô thị...

- Quan tâm xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu đô thị.

- Thực hiện biện pháp quản lý chặt chẽ các ngành, nghề nhạy cảm; đảm bảo môi trường văn hoá, tinh thần lành mạnh, ngăn chặn tệ nạn xã hội.

- Di dời các xí nghiệp gây ô nhiễm môi trường, các cơ sở sản xuất công nghiệp TTCN xen lẫn khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp và có công trình xử lý ô nhiễm.

- Thường xuyên rà soát các quy hoạch nhằm phát triển đồng bộ mạng lưới kết cấu hạ tầng, nhất là mạng lưới đường vành đai, đường xuyên tâm, cấp điện, cấp thoát nước, hệ thống cây xanh, công viên...

### **6. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong tỉnh**

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các huyện trọng điểm của tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực: áp dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đào tạo nghề, xây dựng các tour du lịch, các khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang... quy mô lớn phục vụ chung cho thành phố và các huyện.

### **7. Điều hành và tổ chức thực hiện Quy hoạch**

Ngay sau khi Quy hoạch được phê duyệt, thành phố cần làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố để các cơ quan, đơn vị và nhân dân biết; cụ thể hoá các nội dung của quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế thành các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; có biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch và trong kỳ kế hoạch 5 năm; xây dựng chương trình hành động và các chương trình phát triển từng thời kỳ theo định hướng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020. Đồng thời, thường xuyên cập nhật, tổng kết, đánh giá sự phù hợp và không phù hợp với thực tế để kịp thời trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đạt mục tiêu đặt ra; phối hợp với các ngành tỉnh, các huyện lân cận triển khai các chương trình phát triển và hợp tác cùng phát triển. Rà soát việc ban hành các chủ trương, chính sách phát triển của thành phố theo hướng tăng cường hợp tác, mở rộng quan hệ liên vùng nhằm bảo đảm sự thống nhất để cùng phát triển.

**Điều 2.** Quy hoạch được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành, lĩnh vực, các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Bắc Giang theo quy định.

**Điều 3.** Giao cho UBND thành phố Bắc Giang căn cứ vào những nội dung trong Quy hoạch đã được phê duyệt kèm theo Quyết định này, chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan lập, trình duyệt các quy hoạch ngành, lĩnh vực và tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 4.** Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm quan tâm, tạo điều kiện giúp thành phố Bắc Giang tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nêu trong Quy hoạch tổng thể. Đẩy nhanh việc


đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của thành phố đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan được dự kiến đầu tư nêu trong Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Bắc Giang giai đoạn 2007-2020.

**Điều 5.** Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND thành phố Bắc Giang và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- TT. Thành ủy, TT HĐND thành phố Bắc Giang;
- UBND các huyện;
- LĐVP, KT, NN, CN, VX, XD, TNMT;
- Lưu: VT, TH. NS

**TM. UBND TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Linh*

**Nguyễn Văn Linh**